

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - H1 Phúc**

Bản án số: 190/2019/DS-ST

Ngày: 09/4/2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Hiền Lũy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Phụng
2. Bà Nguyễn Thị Hương

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao H - Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2018/TLST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2019/QĐST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị L, sinh năm: 1958.

Địa chỉ: số nhà 353/54 đường P, phường P, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Đình Đ, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: số nhà 470/30 đường T, phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: số nhà 92/5/2 Đường Y, Khu phố Z, phường T1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Bà Huỳnh Ngọc H1, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: số nhà 92/5/2 Đường Y, Khu phố Z, phường T1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 5 năm 2018 của bà Đặng Thị L và lời trình bày của người đại diện theo uỷ quyền ông Nguyễn Đình Đ:

Do có quan hệ quen biết nên ngày 15/10/2012 bà Đặng Thị L đồng ý cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Huỳnh Ngọc H1 vay số tiền 850.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng, thoả thuận thời hạn vay hai năm và mức lãi suất cho vay 1,1%/tháng. Sau khi thống nhất số tiền vay, mức lãi suất và thời hạn vay thì bà L đã giao đủ số tiền 850.000.000 đồng cho ông H, bà H1 và hai bên ký kết hợp đồng vay tiền tại Phòng công chứng số 1 Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 17/3/2014 bà L tiếp tục cho ông H, bà H1 vay tiền lần thứ hai với số tiền 250.000.000 đồng, thoả thuận mức lãi suất 1,5%/tháng và thời hạn vay đến ngày 15/10/2014. Ông H bà H1 trả tiền lãi đối với hai khoản tiền vay theo đúng thoả thuận cho đến tháng 7/2014 thì ngưng. Đến hạn bà L nhiều lần yêu cầu ông H, bà H1 trả nợ nhưng ông bà không thực hiện trả tiền nợ gốc và tiền lãi suất. Ngày 25/11/2016 ông H, bà H1 có viết giấy khất nợ và hứa sẽ trả số tiền 1.100.000.000 đồng cho bà L sau ba tháng nhưng vẫn không thực hiện. Vì vậy bà L khởi kiện yêu cầu ông H, bà H1 thanh toán số tiền nợ gốc 1.100.000.000 đồng và tiền lãi suất theo mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 15/8/2014 đến ngày 30/5/2018 khoảng 495.000.000 đồng. Bà L không yêu cầu ông H, bà H1 phải trả tiền lãi kể từ ngày 01/6/2018 cho đến ngày Toà án xét xử. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi bà L yêu cầu ông H, bà H1 phải trả là 1.595.000.000 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Ngọc H1 đến trụ sở Toà án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng các bị đơn vắng mặt.

Tại phiên toà, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đã được Toà án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên toà nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Toà án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 1.100.000.000 đồng và tiền lãi suất 495.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do bị đơn có nơi cư trú tại quận Thủ Đức nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về nội dung: Căn cứ lời khai của phía nguyên đơn phù hợp với hợp đồng vay tiền số công chứng 027846 ngày 15/10/2012 của Phòng công chứng số 1 Thành phố Hồ Chí Minh và giấy mượn tiền ngày 17/3/2014 thể hiện trước khi ký kết hợp đồng hai bên đã thực hiện việc giao nhận số tiền vay 850.000.000 đồng. Theo thoả thuận tại hợp đồng thì thời hạn nguyên đơn cho bị đơn vay là hai năm, mức lãi suất 1,1%/tháng. Sau khi vay bị đơn thực hiện việc trả lãi đầy đủ đối với số tiền 850.000.000 đồng nên đến ngày 17/3/2014 nguyên đơn tiếp tục cho bị đơn vay số tiền 250.000.000 đồng với lãi suất 1,5%/tháng. Giấy mượn tiền ngày 17/3/2014 không thể hiện thời hạn vay nhưng tại giấy khất nợ ngày 25/11/2016 bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền 1.100.000.000 đồng, không thực hiện trả tiền lãi suất từ tháng 8/2014 và đã chậm trễ thanh toán tiền nợ nên lời khai của nguyên đơn cho rằng thời hạn vay đến ngày 15/10/2014 đối với hai khoản vay là có căn cứ.

Do bị đơn không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không giao nộp chứng cứ liên quan đến giao dịch vay tiền giữa bị đơn và nguyên đơn. Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của nguyên đơn, căn cứ giấy khất nợ ngày 25/11/2016 có nội dung bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền 1.100.000.000 đồng với mức lãi suất 1,5%/tháng và bị đơn đã không trả nợ đúng hạn để xác định bị đơn có vay tiền của nguyên đơn và đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 15/10/2014, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc 1.100.000.000 đồng.

Về tiền lãi suất: Hợp đồng vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng vay có lãi, theo nguyên đơn trình bày thì mức lãi suất hai bên thoả thuận là 1,1%/tháng đối với số tiền 850.000.000 đồng và 1,5%/tháng đối với số tiền 250.000.000 đồng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi suất là có căn cứ. Xét, mức lãi suất các bên tự thoả thuận đối với khoản vay 850.000.000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật, mức lãi suất của khoản tiền vay 250.000.000 đồng là cao hơn so với quy định pháp luật nhưng đến nay phía nguyên đơn yêu cầu tính theo mức lãi suất 1%/tháng là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tiền lãi suất được tính cụ thể như sau:

Lãi suất trong hạn: 1.100.000.000 đồng x 1%/tháng x 02 tháng (15/8/2014 đến 15/10/2014) = 22.000.000 đồng.

Lãi suất quá hạn trước ngày 01/01/2017: 1.100.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 26 tháng 15 ngày (16/10/2014 đến 31/12/2016) = 218.625.000 đồng.

Lãi suất quá hạn từ ngày 01/01/2017 đến 31/5/2018: 1.100.000.000 đồng x 1,5%/tháng (1% x 150%) x 17 tháng = 280.500.000 đồng.

Như vậy số tiền lãi suất trong hạn và quá hạn từ ngày 15 tháng 8 năm 2014 đến ngày 30 tháng 5 năm 2018 mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật là 521.125.000 đồng, cao hơn so với yêu cầu của nguyên đơn. Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 495.000.000 đồng tiền lãi suất là có L cho bị đơn nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu tính tiền lãi suất kể từ ngày 01/6/2018 cho đến ngày Tòa án xét xử vụ án.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 147; Khoản 1, Khoản 2 Điều 269; Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 305; Điều 471; 476; 478 Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng Khoản 5 Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Luật phí và lệ phí năm 2015;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014),

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Nguyễn Văn H và bà Huỳnh Ngọc H1;

Ông Nguyễn Văn H và bà Huỳnh Ngọc H1 có trách nhiệm thanh toán cho bà Đặng Thị L số tiền nợ gốc 1.100.000.000 đồng và tiền lãi suất 495.000.000 đồng, tổng cộng 1.595.000.000 (một tỉ năm trăm chín mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án không thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức

lãi suất 20%/năm trên số tiền nợ gốc chưa thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn H và bà Huỳnh Ngọc H1 phải chịu 59.850.000 (năm mươi chín triệu tám trăm năm mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Đặng Thị L được nhận lại 30.090.000 (ba mươi triệu không trăm chín mươi ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0038913 ngày 31/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q. Thủ Đức;
- CCTHADS Q. Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Hiền Lũy